



PHỤ LỤC V
NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

DỰ THẢO

STT	Điều khoản Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ sau sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	Điều 1, Khoản 4	4. “ Luật doanh nghiệp ” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề: o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	4. “ Luật doanh nghiệp ” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Bỏ	Thay đổi Luật Doanh nghiệp Điều 135 luật DN không quy định
1	Điều 19, khoản 2.2, mục o	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 137 khoản 1 luật DN
2	Điều 21 khoản 1	1. Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách chốt cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập căn cứ trên thông báo của tổ chức phát hành. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải hoàn tất trước ngày khai mạc đại hội ít nhất 30 ngày.	1. Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách chốt cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập căn cứ trên thông báo của tổ chức phát hành. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải hoàn tất trước ngày khai mạc đại hội ít nhất 10 ngày.	
3	Điều 22 khoản 2	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:	2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng	Điều 139 khoản 1 luật DN

	<p>2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>khoản nhà nước, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>Điều 141, Luật DN</p>
<p>Điều 23 Khoản 1 và 2</p>	<p>Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, thì triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày), kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Điều 141, Luật DN</p>
<p>4</p>			

			Điều 143 luật DN
5 Điều 24, khoản 2.e	<p>2. Trong những trường hợp cấp bách cần thiết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không nhất thiết phải triệu tập Đại hội:</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	<p>2. Trong những trường hợp cấp bách cần thiết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không nhất thiết phải triệu tập Đại hội:</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	
2 Điều 25, khoản 2	<p>Điều kiện để nghị quyết được thông qua:</p> <p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi:</p> <p>a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>b) Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>c) Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:</p> <p>a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; - Tổ chức lại, giải thể Công ty; <p>b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>c) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại</p>	Điều 144, luật DN
6			

			điện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	Điều 152 khoản 1 luật DN
	Điều 29 khoản 2	Cơ cấu quản lý và kiểm soát Công ty		
7		<p>2. Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>2. Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty.</p>	
8	Điều 30, khoản 1	Hội đồng quản trị:	Hội đồng quản trị:	Điều 150 luật DN .
		<p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các ủy viên.</p>	<p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị là 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các ủy viên.</p>	
	Điều 32, khoản 5	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:	Điều 149, khoản h, luật DN
9		<p>5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (trừ các loại hợp đồng mua hoặc bán tài sản theo điều 22, khoản 2, mục h quy định tại Điều lệ này) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ trường hợp qui định tại Điều 45 của Điều lệ này.</p>	<p>5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với loại hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm 1 khoản 2.2 điều 19 và điều 41 của Điều lệ này;</p>	
10	Điều 37 khoản d.4	Giám đốc: Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ	Bỏ	Điều 157 luật DN không quy

	quản trị nào hoặc điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.		định
Điều 41	<p>Phạm vi các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ chỉ được ký kết theo các qui định sau đây:</p> <p>a. Đối với các hợp đồng mua bán, dịch vụ có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.</p> <p>b. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.</p>	<p>Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ; <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp</p>	Điều 162 luật DN
11			

đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả

		cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
Điều 49, khoản 1	<p>Phân phối lợi nhuận và lập quỹ</p> <p>➤ Các quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế TNDN bao gồm theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>1. Quỹ dự trữ bắt buộc: được trích từ 5% lợi nhuận sau thuế, nếu mức trích cao hơn phải do Đại hội đồng Cổ đông quy định. Quỹ dự trữ của Công ty có thể được dùng để duy trì tài sản của Công ty, để bổ sung vốn điều lệ hoặc dự trữ các rủi ro tài chính cho năm tài chính sau. Quỹ này dự trữ cho đến mức 10% vốn điều lệ.</p>	<p>Phân phối lợi nhuận và lập quỹ</p> <p>➤ Các quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế TNDN bao gồm theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>1. Quỹ dự phòng tài chính: được trích từ 5% lợi nhuận sau thuế, nếu mức trích cao hơn phải do Đại hội đồng Cổ đông quy định. Quỹ dự phòng của Công ty có thể được dùng để duy trì tài sản của Công ty, để bổ sung vốn điều lệ hoặc dự trữ các rủi ro tài chính cho năm tài chính sau. Quỹ này dự trữ cho đến mức 10% vốn điều lệ.</p>	Dùng từ cho hợp lý

Căn cứ luật, thông tư hướng dẫn :

- Luật doanh nghiệp : số 68/2014/QH13 được thông qua ngày 01/07/2015

Nha Trang, ngày 10 tháng 04 năm 2016

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Tiến Anh

Nơi gửi:

- UBCKNN, SGDCK, Cổ đông

- HĐQT, BKS, HCQT

- Lưu